

PHỤ LỤC
KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ, XÁC ĐỊNH CHỈ SỐ CCHC CỦA UBND CÁC XÃ, THỊ TRẤN NĂM 2021
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 3 năm 2022 của Ủy ban nhân dân huyện)

Stt	Đơn vị	Công tác chỉ đạo, điều hành (14 đ)		Xây dựng và thực hiện VBQPPL (5đ)		Cải cách thủ tục hành chính (17đ)		Cải cách tổ chức bộ máy chính quyền địa phương (6đ)		Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ CBCC (11đ)		Cải cách tài chính công (5đ)		Hiện đại hóa nền hành chính (12đ)		Đánh giá tác động (ĐTXXH) (30đ)		Tổng cộng điểm	Mức độ hoàn thành nhiệm vụ người đứng đầu về công tác CCHC
		Điểm TB	Chỉ số lĩnh vực (%)	Điểm TB	Chỉ số lĩnh vực (%)	Điểm TB	Chỉ số lĩnh vực (%)	Điểm TB	Chỉ số lĩnh vực (%)	Điểm TB	Chỉ số lĩnh vực (%)	Điểm TB	Chỉ số lĩnh vực (%)	Điểm TB	Chỉ số lĩnh vực (%)	Điểm TB	Chỉ số lĩnh vực (%)		
1	Xã Tân Quang	12.25	87.50	4.5	90	13	76.47	5.5	91.67	10.5	95.45	5	100	9.5	79.17	26.5	88.33	86.75	HTTNV
2	Xã Tân Hương	12.5	89.29	4.5	90	13	76.47	5.5	91.67	10.5	95.45	5	100	8.5	70.83	25.5	85.00	85.00	HTTNV
3	Xã Ứng Hòa	11	78.57	4.5	90	12.5	73.53	5	83.33	10	90.91	5	100	9.5	79.17	26.5	88.33	84.00	HTTNV
4	Xã Đông Xuyên	10	71.43	4.5	90	12.5	73.53	5.5	91.67	10.5	95.45	5	100	8	66.67	28	93.33	84.00	HTNV
5	Xã Ninh Hải	9.75	69.64	4.5	90	12	70.59	5.5	91.67	10	90.91	5	100	9	75.00	25	83.33	80.75	HTNV
6	Xã Đồng Tâm	10.25	73.21	4	80	12.5	73.53	5.5	91.67	9.5	86.36	3	60	9.5	79.17	25.5	85.00	79.75	HTNV
7	Xã Hồng Dụ	10	71.43	4.5	90	12	70.59	5.5	91.67	10	90.91	3	60	8	66.67	26.5	88.33	79.50	HTNV
8	Xã Nghĩa An	10.75	76.79	3.5	70	10	58.82	5.5	91.67	10	90.91	3	60	9.5	79.17	26	86.67	78.25	HTNV
9	Xã An Đức	10.75	76.79	4.5	90	10	58.82	5	83.33	10.5	95.45	5	100	8.5	70.83	24	80.00	78.25	HTNV
10	Thị trấn Ninh Giang	10	71.43	4.5	90	9	52.94	5.5	91.67	11	100	4	80	7.5	62.50	25.5	85.00	77.00	HTNV
11	Xã Hồng Phúc	8.75	62.50	4.5	90	12.5	73.53	5.5	91.67	7.5	68.18	4	80	8	66.67	26	86.67	76.75	HTNV
12	Xã Hồng Đức	10	71.43	4	80	8.5	50	5	83.33	8.5	77.27	5	100	8.25	68.75	25	83.33	74.25	HTNV

Stt	Đơn vị	Công tác chỉ đạo, điều hành (14 đ)		Xây dựng và thực hiện VBQPPL (5đ)		Cải cách thủ tục hành chính (17đ)		Cải cách tổ chức bộ máy chính quyền địa phương (6đ)		Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ CBCC (11đ)		Cải cách tài chính công (5đ)		Hiện đại hóa nền hành chính (12đ)		Đánh giá tác động (ĐTXXH) (30đ)		Tổng cộng điểm	Mức độ hoàn thành nhiệm vụ người đứng đầu về công tác CCHC
		Điểm TB	Chỉ số lĩnh vực (%)	Điểm TB	Chỉ số lĩnh vực (%)	Điểm TB	Chỉ số lĩnh vực (%)	Điểm TB	Chỉ số lĩnh vực (%)	Điểm TB	Chỉ số lĩnh vực (%)	Điểm TB	Chỉ số lĩnh vực (%)	Điểm TB	Chỉ số lĩnh vực (%)	Điểm TB	Chỉ số lĩnh vực (%)		
13	Xã Kiến Quốc	10.25	73.21	4.25	85	9	52.94	5.5	91.67	7.5	68.18	5	100	7.5	62.50	24	80.00	73.00	HTNV
14	Xã Hưng Long	8.5	60.71	4.5	90	8.5	50	3	50.00	9	81.82	3	60	7.25	60.42	24.5	81.67	68.25	HTNV
15	Xã Tân Phong	10.75	76.79	4.5	90	11	64.71	5	83.33	9.5	86.36	1	20	8	66.67	25.5	85.00	75.25	Không HTNV
16	Xã Hiệp Lực	9.75	69.64	4	80	8.5	50	5	83.33	11	100	2	40	8	66.67	24	80.00	72.25	Không HTNV
17	Xã Hồng phong	10	71.43	4.5	90	9	52.94	5.5	91.67	7.5	68.18	1.5	30	8	66.67	25.5	85.00	71.50	Không HTNV
18	Xã Vạn Phúc	10	71.43	4.5	90	10	58.82	5.5	91.67	7.5	68.18	2	40	8.5	70.83	23.5	78.33	71.50	Không HTNV
19	Xã Vĩnh Hòa	9.25	66.07	4.25	85	10	58.82	5	83.33	10	90.91	1	20	7	58.33	24	80.00	70.50	Không HTNV
20	Xã Văn Hội	10	71.43	4.5	90	8.5	50	5	83.33	9.5	86.36	1	20	6	50.00	25	83.33	69.50	Không HTNV

Ghi chú: Theo Quyết định số 29/2018/QĐ-UBND ngày 29/11/2018 của UBND tỉnh Hải Dương về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 13/2016/QĐ-UBND ngày 17/6/2016 của UBND tỉnh quy định trách nhiệm người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước về thực hiện công tác cải cách hành chính:

- Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ khi chỉ số CCHC đạt từ 90% đến 100% so với điểm tối đa, đồng thời các lĩnh vực CCHC phải đạt từ 80% số điểm trở lên;
- Hoàn thành tốt nhiệm vụ khi chỉ số CCHC đạt từ 80% đến dưới 90% so với điểm tối đa, đồng thời các lĩnh vực CCHC phải đạt từ 70% số điểm trở lên;
- Hoàn thành nhiệm vụ khi chỉ số CCHC đạt từ 65% đến dưới 80% so với điểm tối đa, đồng thời các lĩnh vực CCHC phải đạt từ 50% số điểm trở lên;
- Không hoàn thành nhiệm vụ khi chỉ số CCHC đạt dưới 65% so với điểm tối đa hoặc chỉ số cải cách hành chính của cơ quan, đơn vị đạt từ 65 đến dưới 80% số điểm so với tổng điểm nhưng có một trong các lĩnh vực đạt dưới 50% số điểm của lĩnh vực cải cách hành chính đó.